

CÔNG TY: Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico

Địa chỉ: Tầng 11, Toà nhà Vinaconex9, Khu đô thị Mễ Trì hạ,
Đường Phạm Hùng Từ Liêm Hà Nội

Tel: 04.37877466 Fax: 04.37877467

Báo cáo tài chính

Quý 4 năm tài chính 2010

Mẫu số B 01 - DN

DN - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số đầu năm	Số cuối kỳ
TÀI SẢN			-	-
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		47,364,293,888	71,571,458,233
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1,473,990,702	5,139,670,481
1. Tiền	111		1,473,990,702	5,139,670,481
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2,017,000,000	4,930,000,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		2,710,000,000	6,060,000,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(693,000,000)	(1,130,000,000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		24,594,683,638	32,439,119,459
1. Phải thu khách hàng	131		20,457,955,956	27,266,812,007
2. Trả trước cho người bán	132		4,076,476,574	4,316,711,465
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		60,251,108	855,595,987
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139			
IV. Hàng tồn kho	140		16,316,127,307	23,092,362,926
1. Hàng tồn kho	141		16,316,127,307	23,092,362,926
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2,962,492,241	5,970,305,367
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		127,108,263	1,381,369,930
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		2,835,383,978	4,588,935,437
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		32,001,584,149	27,542,333,154
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		17,551,768,426	12,987,296,201
1. Tài sản cố định hữu hình	221		15,951,768,426	12,987,296,201
- Nguyên giá	222		23,393,494,607	24,578,363,697
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7,441,726,181)	(11,591,067,496)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		1,600,000,000	-
- Nguyên giá	228		1,600,000,000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-

- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		13,700,000,000	13,556,756,756
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	
3. Đầu tư dài hạn khác	258		13,700,000,000	13,556,756,756
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	
V. Tài sản dài hạn khác	260		749,815,723	998,280,197
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		749,815,723	998,280,197
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		79,365,878,037	99,113,791,387
NGUỒN VỐN			-	-
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		47,683,689,204	47,169,777,628
I. Nợ ngắn hạn	310		47,431,523,367	46,619,411,791
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		13,138,200,000	8,981,906,220
2. Phải trả người bán	312		27,076,886,725	31,606,271,273
3. Người mua trả tiền trước	313		-	1,305,379,264
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314		1,329,789,986	815,324,626
5. Phải trả người lao động	315		1,984,670,009	2,301,259,355
6. Chi phí phải trả	316		3,095,903,804	537,267,525
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		705,797,388	880,550,936
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		100,275,455	191,452,592
II. Nợ dài hạn	330		252,165,837	550,365,837
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		242,700,000	540,900,000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		9,465,837	9,465,837
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		31,682,188,833	51,944,013,759
I. Vốn chủ sở hữu	410		31,682,188,833	51,944,013,759
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		26,778,000,000	40,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		75,750,000	2,943,790,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		455,000,000	870,000,000
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		145,000,000	353,000,000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		64,201,696	147,201,696
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		4,164,237,137	7,630,022,063
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CÓ ĐỒNG THIẾU SỞ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		79,365,878,037	99,113,791,387

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG				-	-
1. Tài sản thuê ngoài	01			-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	02			-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	03			-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	04			-	-
5. Ngoại tệ các loại	05			-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	06			-	-
7. Nợ khó đòi đã xử lý	07			374,649,627	374,649,627

Hà nội, Ngày 25 tháng 01 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Công Đường

Nguyễn Ngọc Khiêm

CÔNG TY: Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico
Địa chỉ: Tầng 11, Toà nhà Vinaconex9, Khu
đô thị Mễ Trì hạ, Đường Phạm Hùng Từ Liêm
Hà Nội
Tel: 04.37877466 Fax: 04.37877467

Báo cáo tài chính

Quý 4 năm tài chính 2010

Mẫu số B 02 - DN

DN - BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH - QUÝ

Chi tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		21,806,155,747	15,366,871,737	87,396,621,501	51,123,126,400
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0	0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		21,806,155,747	15,366,871,737	87,396,621,501	51,123,126,400
4. Giá vốn hàng bán	11		18,383,089,177	13,694,937,078	76,989,682,448	45,068,754,290
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		3,423,066,570	1,671,934,659	10,406,939,053	6,054,372,110
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		806,793,149	35,992,090	926,639,674	163,290,621
7. Chi phí tài chính	22		343,233,615	806,426,112	1,372,428,883	1,510,033,155
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		343,233,615	806,426,112	1,372,428,883	1,510,033,155
8. Chi phí bán hàng	24		0	0	0	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1,688,856,618	809,857,492	4,959,168,457	2,186,684,003
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22) - (24+25)}	30		2,197,769,486	91,643,145	5,001,981,387	2,520,945,573
11. Thu nhập khác	31		23,871,635	2,555,540,640	4,418,821,490	2,555,540,640
12. Chi phí khác	32		158,888,895	0	175,744,931	6,713,989
13. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40		-135,017,260	2,555,540,640	4,243,076,559	2,548,826,651
14. Phần lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		600,000,000	0	600,000,000	0
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50		2,062,752,226	2,647,183,785	9,245,057,946	5,069,772,224
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		382,271,565	472,392,162	2,190,897,996	905,535,087
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0	0	0
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60		1,680,480,661	2,174,791,623	7,054,159,950	4,164,237,137
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		0	0	0	0
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		0	0	0	0
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70		420	812	1,764	1,555

Hà Nội, Ngày 25 tháng 01 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Công Đường

Nguyễn Ngọc Khiêm

DN - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - PPTT - QUÝ

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		87,325,387,873	48,693,074,253
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(50,470,031,676)	-31,181,532,187
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(5,799,618,800)	-3,510,765,045
4. Tiền chi trả lãi vay	04			-66,972,678
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(2,800,864,476)	
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		44,904,051,997	36,419,290,549
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(64,118,638,948)	-26,327,829,803
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		9,040,285,970	24,025,265,089
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-274,404,090	-9,542,656,000
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-3,950,000,000	-10,800,000,000
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1,016,756,757	830,954,070
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		88,318,007	28,592,427
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		-2,844,925,236	-9,940,453,503
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		16,090,040,000	
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		358,186,000	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-18,977,906,955	-13,372,150,004
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			-1,584,661,593
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-2,529,680,955	-14,956,811,597
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		3,665,679,779	-872,000,011
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1,473,990,702	2,345,990,713
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		5,139,670,481	1,473,990,702

Hà Nội, Ngày 25 tháng 01 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Công Đường

Nguyễn Ngọc Khiêm

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC MỎ VINAVICO

Địa chỉ: Tầng 11, Toà nhà VINACONEX 9, Lô H2-2, Khu đô thị Mỹ Trì hạ, Đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

1. Tổ chức và hoạt động chính

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico (“Công ty”), tiền thân là Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103008361 ngày 4 tháng 7 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Trong quá trình hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đã được sửa đổi như sau:

<u>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh</u>	<u>Nội dung điều chỉnh</u>
Số 0103008361 ngày 30 tháng 12 năm 2005	Thay đổi địa chỉ
Số 0103008361 ngày 5 tháng 3 năm 2007	Thay đổi tỷ lệ góp vốn và người đại diện
Số 0103008361 ngày 24 tháng 5 năm 2007	Tăng vốn và thay đổi người đại diện
Số 0103008361 ngày 24 tháng 5 năm 2007	Thay đổi người đại diện
Số 0103008361 ngày 25 tháng 3 năm 2008	Thay đổi người đại diện
Số 0103008361 ngày 23 tháng 10 năm 2008	Tăng vốn điều lệ
Số 0101715540 ngày 06 tháng 08 năm 2010	Tăng vốn điều lệ, thay đổi địa chỉ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 vốn cổ phần của Công ty là 40.000.000.000 đồng, Công ty đã làm thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 11, Toà nhà VINACONEX 9, Lô HH2-2 Khu đô thị Mỹ Trì hạ Đường Phạm Hùng, Xã Mỹ Trì Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Văn phòng giao dịch của Công ty đặt tại Tầng 10, Toà nhà CT1-2 Khu đô thị Mỹ Trì hạ, Xã Mỹ Trì Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được cấp ngày 06 tháng 08 năm 2010, Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây dựng công trình dân dụng, công trình thể thao, thương mại, công nghiệp, giao thông thủy lợi và công trình điện cao thế 35 KV; kinh doanh vật liệu xây dựng và chuẩn bị mặt bằng xây dựng (bốc dỡ, dọn dẹp, san lấp), khai thác mỏ; thăm dò, khai thác khoáng sản; các hoạt động hỗ trợ khai thác khoáng sản.

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Cơ sở lập báo cáo

Báo cáo tài chính được lập bằng đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Các nguyên tắc này bao gồm các quy định tại các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định về kế toán hiện hành tại Việt Nam. Do đó, bảng cân đối kế toán và các báo cáo liên quan về kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng chúng không được lập cho những người không được thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và phương pháp kế toán của Việt Nam, và hơn nữa, không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ, phù hợp với các nguyên tắc và phương pháp kế toán được thừa nhận chung ở các nước và thể chế khác ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC MỎ VINAVICO

Địa chỉ: Tầng 11, Toà nhà VINACONEX 9, Lô H2-2, Khu đô thị Mỹ Đình 2, Đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

2.3. Áp dụng Luật kế toán và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam

a) Luật Kế toán

Trong năm, Công ty đã tuân thủ Luật Kế toán ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2003 và Nghị định kèm theo số 129/2004/NĐ-CP ban hành ngày 31 tháng 5 năm 2004 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kế toán áp dụng trong hoạt động kinh doanh.

b) Chuẩn mực Kế toán Việt Nam

Trong năm, Công ty đã áp dụng Chế độ Kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, và trong phạm vi liên quan, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện.

2.4. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

a) Nguyên tắc xác định các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng

Tiền mặt là khoản tồn quỹ tại Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính và có sự kiểm kê đối chiếu với sổ quỹ tiền mặt.

Tiền gửi ngân hàng là các khoản gửi tại các ngân hàng được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được đối chiếu số dư với các ngân hàng này tại ngày kết thúc năm tài chính.

b) Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại ngày kết thúc năm tài chính.

c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND phát sinh trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tương ứng tại ngày giao dịch. Các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác với VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng công bố tại thời điểm cuối năm tài chính.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện và đã thực hiện đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi trừ đi dự phòng các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá của Ban Giám đốc về các khoản nợ không có khả năng thu hồi.

Các khoản phải thu khách hàng, trả trước người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo:

- Nếu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới một năm hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Nếu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một năm hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC MỎ VINAVICO

Địa chỉ: Tầng 11, Toà nhà VINACONEX 9, Lô HH2-2, Khu đô thị Mễ Trì hạ, Đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2.6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho, bao gồm sản phẩm dở dang, được đánh giá theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được, sau khi lập dự phòng cho các loại hàng hư hỏng, lỗi thời. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trừ các chi phí tiếp thị và phân phối sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá vốn hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Chi phí sản xuất kinh doanh (SXKD) dở dang cuối kỳ hoạt động xây lắp được xác định như sau:

$$\begin{array}{r} \text{Chi phí SXKD dở} \\ \text{dang cuối kỳ từng} \\ \text{công trình} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Chi phí SXKD dở} \\ \text{dang đầu kỳ từng} \\ \text{công trình} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Chi phí SXKD dở} \\ \text{dang phát sinh trong} \\ \text{kỳ từng công trình} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Giá vốn ghi nhận} \\ \text{trong kỳ của từng} \\ \text{công trình} \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{r} \text{Giá vốn} \\ \text{từng công} \\ \text{trình} \end{array} = \frac{\begin{array}{r} \text{Chi phí SXKD} \\ \text{Dở dang đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Chi phí SXKD phát sinh} \\ \text{trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{r} \text{Giá trị sản lượng thực hiện} \\ \text{dở dang đầu kỳ (không bao} \\ \text{gồm thuế GTGT)} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Giá trị sản lượng thực} \\ \text{hiện trong kỳ (không} \\ \text{bao gồm thuế GTGT)} \end{array}} \times \begin{array}{r} \text{Doanh thu} \\ \text{ghi nhận} \\ \text{trong kỳ} \end{array}$$

2.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Khi tài sản được bán hay không được sử dụng nữa, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được loại khỏi tài khoản và lãi lỗ phát sinh từ việc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua của tài sản, thuế nhập khẩu, các khoản thuế trực thu và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào sử dụng, như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, thường được hạch toán vào hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt quá tiêu chuẩn hoạt động đánh giá ban đầu của tài sản, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

<u>Tài sản</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Máy móc và thiết bị	3 - 8
Phương tiện vận tải	3 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 - 5

2.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo Chuẩn mực kế toán số 04 - "Tài sản cố định vô hình", ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 và Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực trên.

Quyền khai thác mỏ đá trắng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC MỎ VINAVICO

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà VINACONEX 9, Lô HH2-2, Khu đô thị Mễ Trì hạ, Đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Quyền khai thác mỏ đá trắng tại xã An Phú, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái với thời gian khai thác là 30 năm bao gồm chi phí liên quan phát sinh được Bộ Công thương, Bộ Xây dựng, Bộ Tài nguyên Môi trường, Cục Địa chất Khoáng sản Việt Nam quyết định cho phép khai thác từ tháng 8 năm 2009. Đến 30 tháng 06 năm 2010 Công ty dùng Quyền khai thác mỏ đá trắng để góp vốn vào Công ty Cổ phần Vinavico

2.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh giá trị nhà xưởng và máy móc thiết bị chưa được hoàn thành việc xây dựng và lắp đặt và được thể hiện theo nguyên giá. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được trích khấu hao cho tới khi các tài sản đó hoàn thành và được đưa vào sử dụng.

2.10. Các khoản đầu tư

a) Các khoản đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm quyền sở hữu các loại cổ phiếu, công trái, chứng khoán niêm yết có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền và có thời gian đầu tư dự kiến không quá một năm. Giá trị các khoản đầu tư ngắn hạn này được xác định theo giá mua thực tế.

b) Các khoản đầu tư dài hạn

Các khoản đầu tư dài hạn vào chứng khoán, công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc. Các khoản lợi nhuận được phân phối từ lợi nhuận lũy kế của các công ty con và công ty liên kết sau ngày thực hiện các khoản đầu tư được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

c) Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được trích lập nhằm phản ánh chênh lệch giảm giữa giá trị đầu tư theo sổ sách với giá trị thị trường tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Việc trích lập dự phòng được thực hiện cho từng khoản đầu tư và từng loại chứng khoán thuộc sở hữu của Công ty.

2.11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay gồm lãi tiền vay ngắn hạn, lãi tiền vay dài hạn, kể cả lãi tiền vay trên các khoản thấu chi.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó). Chi phí đi vay được vốn hóa khi Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Tài sản dở dang là tài sản đang trong quá trình đầu tư xây dựng và tài sản đang trong quá trình sản xuất cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán.

2.12. Chi phí chờ phân bổ và chi phí trả trước dài hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC MỎ VINAVICO

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà VINACONEX 9, Lô HH2-2, Khu đô thị Mỹ Đình hạ, Đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí chờ phân bổ được trình bày ở khoản mục chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản mục này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế dự kiến được tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian từ hơn 1 năm đến 3 năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn;
- Chi phí trả trước dài hạn khác.

2.13. Các khoản phải trả người bán

Các khoản phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả cho nhà cung cấp tài sản, vật tư, hàng hóa, dịch vụ... được theo dõi chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Trong trường hợp vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận nhưng đến cuối kỳ vẫn chưa có hóa đơn thì kế toán sử dụng giá tạm tính để ghi sổ trị giá các khoản phải trả và hàng nhập chưa có hóa đơn này. Sau đó kế toán thực hiện điều chỉnh theo giá thực tế khi đã có hóa đơn.

Các khoản chiết khấu thanh toán, giảm giá hàng bán của người bán được hạch toán tương ứng với khoản phải trả có liên quan để ghi giảm số nợ phải trả phát sinh ban đầu.

2.14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính bao gồm thuế thu nhập phải trả trong năm và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính và bất kỳ bút toán điều chỉnh đối với số thuế phải nộp của năm trước.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định theo phương pháp ghi nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán dựa trên số chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ với giá trị sổ sách của các khoản mục này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng trong năm tài chính mà tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả dựa trên mức thuế suất có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ thuế chưa sử dụng trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ tính thuế chưa sử dụng đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét vào ngày kết thúc năm tài chính và được giảm đến mức chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép sử dụng một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

2.15. Nguồn vốn chủ sở hữu

a) Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận trên cơ sở thực tế vốn góp.

b) Ghi nhận cổ tức

Các cổ tức trả cho các cổ phiếu ưu đãi phải hoàn trả được ghi nhận là một khoản nợ phải trả trên cơ sở dồn tích. Các cổ tức khác được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các chủ sở hữu sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC MỎ VINAVICO

Địa chỉ: Tầng 11, Toà nhà VINACONEX 9, Lô HH2-2, Khu đô thị Mỹ Đình hạ, Đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

và các quy định của pháp luật Việt Nam. Cổ tức được công bố từ phần lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ sở hữu hợp pháp của từng chủ sở hữu.

2.16. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được các chi phí đã được ghi nhận.

c) Tiền lãi, bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia

Tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ các giao dịch tương ứng và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.17. Hợp đồng xây dựng

a) Doanh thu của hợp đồng xây dựng bao gồm:

- (i) Doanh thu ban đầu được ghi trong hợp đồng; và
- (ii) Các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác nếu các khoản này có khả năng làm thay đổi doanh thu, và có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Doanh thu của hợp đồng xây dựng được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Căn cứ để xác định doanh thu từ hợp đồng xây dựng là khối lượng công việc hoàn thành theo công trình hoặc hạng mục công trình và đơn giá hợp đồng mới nhất được duyệt. Khối lượng công việc hoàn thành là khối lượng đã được chủ đầu tư hoặc đại diện chủ đầu tư xác nhận thông qua Biên bản nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành, hoặc Bảng tổng hợp giá trị thanh toán khối lượng xây lắp hoàn thành, hoặc Bảng tổng hợp khối lượng xây lắp hoàn thành v.v...

b) Chi phí của hợp đồng xây dựng bao gồm:

- (i) Chi phí liên quan trực tiếp đến từng hợp đồng;
- (ii) Chi phí chung liên quan đến hoạt động của các hợp đồng và có thể phân bổ cho từng hợp đồng cụ thể (bao gồm cả chi phí đi vay nếu thỏa mãn các điều kiện chi phí đi vay được vốn hóa theo quy định);
- (iii) Các chi phí khác có thể thu lại từ khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC MỎ VINAVICO

Địa chỉ: Tầng 11, Toà nhà VINACONEX 9, Lô HH2-2, Khu đô thị Mễ Trì hạ, Đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

c) Ghi nhận doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng:

- (i) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính.
- (ii) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ.
- (iii) Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương ứng với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

2.18. Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

2.19. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

2.20. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán mà cung cấp thêm thông tin về tình hình tài chính của Công ty tại ngày khóa sổ kế toán ("các sự kiện điều chỉnh") được phản ánh trên báo cáo tài chính. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán không phải là các sự kiện điều chỉnh được trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính nếu trọng yếu.

2.21. Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính này.

2.22. Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong các mẫu báo cáo của Hệ thống Kế toán Việt Nam không thể hiện trên các báo cáo tài chính thì được hiểu là có số dư bằng không.

3. Tiền

Nội dung	31.12.2009	31.12.2010
Tiền mặt	1.091.958.885	3.780.579.382
Tiền gửi ngân hàng	382.031.817	1.359.091.099
	1.473.990.702	5.139.670.481

Các khoản giao dịch không bằng tiền trọng yếu trong năm được loại khỏi báo cáo lưu chuyển tiền tệ như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC MỎ VINAVICO

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà VINACONEX 9, Lô HH2-2, Khu đô thị Mễ Trì hạ, Đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nội dung	1.12.2009	31.12.2010
Góp vốn vào đơn vị thành viên bằng tài sản cố định	1.600.000.000	3.200.000.000
Góp vốn vào đơn vị thành viên bằng chi phí đầu tư khai thác mỏ đá trắng Khu Ca - Yên Bái	3.044.459.360	6.088.918.720
	4.644.459.360	9.288.918.720

4. Đầu tư ngắn hạn

Nội dung	31.12.2009	31.12.2010
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Vật liệu mới Vinavico	1.960.000.000	1.960.000.000
Công ty Cổ phần và Phát triển Giao thông Thủy Lợi	600.000.000	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Vinavico	150.000.000	150.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại & Du lịch Thành Đô	-	500.000.000
Công ty Cổ phần ứng dụng công nghệ và CNC	-	1.300.000.000
Bùi Văn Thọ	-	150.000.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Hạ Tầng Vinavico		2.000.000.000
	2.710.000.000	6.060.000.000

Đầu tư ngắn hạn thể hiện các khoản cho vay ngắn hạn với mức lãi suất từ 1,25%/tháng đến 1,55%/tháng.

5. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Nội dung	2009	31.12.2010
Số dư đầu năm	75.000.000	693.000.000
Tăng dự phòng trong năm	618.000.000	437.000.000
Khoản dự phòng sử dụng trong năm	-	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	-
Số dư cuối năm	693.000.000	1.130.000.000

Đây là khoản trích dự phòng đối với số dư gốc cho vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Truyền thông Vinavico đã quá hạn với mức trích lập là 100% và Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Vật liệu mới Vinavico với mức trích lập là 50%.

6. Hàng tồn kho

Nội dung	31.12.2009	31.12.2010
Nguyên liệu, vật liệu	1.953.526.264	2.008.254.971
Công cụ, dụng cụ	72.451.511	98.563.719
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	12.717.186.934	18.940.733.450
Hàng gửi đi bán	1.572.962.598	2.044.810.786
	16.316.127.307	23.092.362.926

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC MỎ VINAVICO

Địa chỉ: Tầng 11, Toà nhà VINACONEX 9, Lô HH2-2, Khu đô thị Mỹ Đình hạ, Đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Tài sản cố định hữu hình**

Nội dung	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	21.998.622.741	1.252.534.589	142.337.277	23.393.494.607
Tăng trong năm	172.139.091	1.418.087.272	114.642.727	1.704.869.090
<i>Trong đó:</i>				
Mua mới	172.139.091	1.418.087.272	114.642.727	1.704.869.090
Giảm trong năm	(520.000.000)	-	-	-
Số dư tại ngày 31.12.2010	21.650.761.832	2.670.621.861	256.980.004	24.578.363.697
Giá trị hao mòn				
Số dư đầu năm	7.145.189.092	228.513.167	68.023.922	7.441.726.181
Tăng trong năm	4.022.518.777	445.103.643	42.830.000	-
Giảm trong năm	(361.111.105)	-	-	-
Số dư tại ngày 31.12.2010	10.806.596.764	673.616.810	110.853.922	11.591.067.496
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	14.853.533.649	1.024.021.422	74.313.355	15.951.768.426
Số dư tại ngày 31.12.2010	10.844.165.068	1.997.005.051	146.126.082	12.987.296.201

8. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty liên kết	31.12.2009		31.12.2010	
	Số lượng	Giá trị đầu tư	Số lượng	Giá trị đầu tư
Công ty Cổ phần Vinavico	1.250.000	13.700.000.000	1.200.000	13.556.756.756
	1.250.000	13.700.000.000	1.200.000	13.556.756.756

9. Vay và nợ

Nội dung	31.12.2009	31.12.2010
Vay ngắn hạn	11.700.000.000	8.629.806.220
Vay ngân hàng	3.700.000.000	7.887.370.220
Vay các bên liên quan	6.500.000.000	200.000.000
Vay cá nhân	1.500.000.000	542.436.000
Vay dài hạn đến hạn trả	1.438.200.000	352.100.000
Vay ngân hàng	1.438.200.000	352.100.000
Vay dài hạn	242.700.000	540.900.000
Vay ngân hàng	242.700.000	540.900.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC MỎ VINAVICO

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà VINACONEX 9, Lô HH2-2, Khu đô thị Mễ Trì hạ, Đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cộng	13.380.900.000	9.522.806.220
-------------	-----------------------	----------------------

10. Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước

Nội dung	Số dư đầu năm	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số dư tại ngày 31.12.2010
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ				
Thuế giá trị gia tăng đầu vào	127.108.263	7.464.463.731	(6.210.202.064)	1.381.369.930
	127.108.263	7.464.463.731	(6.210.202.064)	1.381.369.930
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	8.681.001.073	(8.751.792.348)	70.791.275
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.318.640.942	2.800.864.476	(2.190.897.996)	708.674.462
Thuế thu nhập cá nhân	11.149.044	53.995.374	(78.705.219)	35.858.889
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
	1.329.789.986	11.538.860.923	(11.024.395.563)	815.324.626

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng dịch vụ như sau:

<u>Dịch vụ</u>	<u>Thuế suất</u>
Doanh thu xây lắp	10%
Dịch vụ cho thuê máy móc, thiết bị	10%
Bán vật tư	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất là 25% trên lợi nhuận chịu thuế. Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC MỎ VINAVICO

Địa chỉ: Tầng 11, Toà nhà VINACONEX 9, Lô HH2-2, Khu đô thị Mỹ Trì hạ, Đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nội dung	2009	31.12.2010
Lợi nhuận thuần trước thuế	5.069.772.224	9.245.057.946
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận	104.713.989	118.534.036
Các khoản điều chỉnh tăng	101.500.000	118.534.036
- <i>Phụ cấp Hội đồng quản trị</i>	<i>101.500.000</i>	<i>104.400.000</i>
- <i>Tiền phạt nộp chậm thuế</i>	<i>3.213.989</i>	<i>14.156.036</i>
Các khoản điều chỉnh giảm	-	600.000.000
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế	5.174.486.213	8.763.591.982
Lỗi năm trước chuyển sang	-	-
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	5.174.486.213	8.763.591.982
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả ước tính	1.293.621.553	2.190.897.996
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	(388.086.466)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả đầu năm	413.105.855	1.318.640.942
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu/(thừa) năm trước	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả trong năm	-	(2.190.897.996)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả cuối kỳ	1.318.640.942	708.674.462

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định của pháp luật hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC MỎ VINAVICO

Địa chỉ: Tầng 11, Toà nhà VINACONEX 9, Lô HH2-2, Khu đô thị Mễ Trì hạ, Đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Vốn chủ sở hữu***Tình hình biến động nguồn vốn chủ sở hữu trong năm như sau*

Nội dung	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lãi lũy kế	Tổng cộng
Số dư 31.12.2008	26.778.000.000	75.750.000	160.000.000	52.000.000	34.859.731	3.121.464.579	30.222.074.310
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	-	295.000.000	93.000.000	64.201.696	(545.201.696)	(93.000.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	4.164.237.137	4.164.237.137
Chi thường ban quản lý công ty	-	-	-	-	(34.859.731)	-	(34.859.731)
Chia cổ tức năm 2008	-	-	-	-	-	(2.576.262.883)	(2.576.262.883)
Số dư 31.12.2009	26.778.000.000	75.750.000	455.000.000	145.000.000	64.201.696	4.164.237.137	31.682.188.833
Tăng vốn trong năm	13.222.000.000	2.868.040.000	-	-	-	-	16.090.040.000
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	-	415.000.000	208.000.000	83.000.000	(706.000.000)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	7.630.022.063	7.630.022.063
Chi thường ban quản lý công ty	-	-	-	-	-	(244.877.137)	(244.877.137)
Chia cổ tức năm 2009	-	-	-	-	-	(3.213.360.000)	(3.213.360.000)
Số dư 31.12.2010	40.000.000.000	2.943.790.000	870.000.000	353.000.000	147.201.696	7.630.022.063	51.944.013.759

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC MỎ VINAICO

Địa chỉ: Tầng 11, Toà nhà VINACONEX 9, Lô HH2-2, Khu đô thị Mễ Trì hạ, Đường Phạm Hùng, Từ Liêm , Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động vốn cổ phần trong năm như sau

Nội dung	2009	31.12.2010
Vốn cổ phần đầu năm	26.778.000.000	26.778.000.000
Vốn cổ phần tăng trong năm	-	13.222.000.000
Vốn cổ phần cuối kỳ	26.778.000.000	40.000.000.000
<hr/>		
Cổ tức, lợi nhuận đã tạm chia	2.576.262.883	3.213.360.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC MỎ VINAVICO

Địa chỉ: Tầng 11, Toà nhà VINACONEX 9, Lô HH2-2, Khu đô thị Mỹ Trì hạ, Đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Cổ phiếu**

Nội dung	2009	31.12.2010
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.677.800	4.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.677.800	4.000.000
<i>Cổ phiếu thường</i>	2.677.800	4.000.000
Số lượng cổ phiếu mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu thường</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.677.800	4.000.000
<i>Cổ phiếu thường</i>	2.677.800	4.000.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

12. Doanh thu

Nội dung	2009	31.12.2010
Doanh thu hoạt động xây lắp	48.753.011.771	82.111.216.106
Doanh thu hoạt động bán vật tư, hàng hóa	2.370.114.629	5.285.405.395
	51.123.126.400	87.396.621.501

13. Giá vốn hàng bán

Nội dung	2009	31.12.2010
Giá vốn hoạt động xây lắp	42.921.804.855	72.793.149.560
Giá vốn hoạt động bán vật tư, hàng hóa	2.146.949.435	4.660.184.147
	45.068.754.290	77.453.333.707

14. Doanh thu hoạt động tài chính

Nội dung	2009	31.12.2010
Lãi tiền gửi ngân hàng	28.592.427	88.318.007
Lãi tiền cho vay	134.698.194	238.321.667
Cổ tức, lợi nhuận được chia từ		600.000.000
	163.290.621	926.639.674

15. Chi phí tài chính

Nội dung	2009	31.12.2010
Chi phí lãi vay	892.033.155	1.372.428.883
	892.033.155	1.372.428.883

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC MỎ VINAVICO

Địa chỉ: Tầng 11, Toà nhà VINACONEX 9, Lô HH2-2, Khu đô thị Mỹ Trì hạ, Đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**16. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Nội dung	2009	31.12.2010
Chi phí nhân viên quản lý	1.189.713.667	2.182.720.798
Chi phí đồ dùng văn phòng	64.793.963	135.710.493
Chi phí khấu hao TSCĐ	125.189.337	294.761.430
Thuế, phí và lệ phí	5.800.000	3.000.000
Chi phí dự phòng	693.000.000	437.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	696.587.146	1.662.033.022
Chi phí bằng tiền khác	104.599.890	243.942.714
	2.879.684.003	4.959.168.457

17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu*Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:*

Nội dung	2009	31.12.2010
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông phổ thông		
- Lợi nhuận thuần trong năm	4.164.237.137	7.054.159.950
- Cổ tức chia cho cổ phần ưu đãi	-	-
Lợi nhuận thuần chia cho cổ đông phổ thông	4.164.237.137	7.054.159.950
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân trong năm		
- Số lượng cổ phiếu đầu năm	2.677.800	2.677.800
- Số lượng cổ phiếu bình quân phát hành trong kỳ	-	1.322.200
- Số lượng cổ phiếu bình quân mua lại trong kỳ	-	-
Số lượng cổ phiếu bình quân trong kỳ	2.677.800	4.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.555	1.764

18. Giao dịch và số dư với các bên liên quan*Trong năm, các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:*

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Giá trị	
			2009	31.12.2010
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm	Công ty liên kết	Doanh thu xây lắp	47.779.157.054	74.948.012.837
		Mua vật tư, hàng hoá	(5.621.668.882)	(4.457.546.769)
		Tạm ứng cổ tức	(706.272.423)	(648.060.000)
		Phí bảo lãnh	(288.498.183)	-
		Thuê máy móc	(153.694.239)	-
		Mua tài sản cố định	(223.000.000)	(340.909.091)
Công ty Cổ phần Vinavico	Công ty liên kết	Góp vốn	(13.700.000.000)	(13.556.756.756)
		Mua tài sản cố định	(3.686.475.000)	-
		Phí tư vấn giấy phép	(3.200.000.000)	-
		Chi phí thầu phụ	(1.238.930.751)	-
		Nhận tiền vay	6.500.000.000	200.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC MỎ VINAVICO

Địa chỉ: Tầng 11, Toà nhà VINACONEX 9, Lô HH2-2, Khu đô thị Mỹ Đình hạ, Đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Giá trị	
			2009	31.12.2010
		Lãi vay phải trả	(51.444.444)	(337.976.606)

Công ty bán hàng cho các bên liên quan theo mức giá bán niêm yết thông thường. Công ty mua hàng từ các bên liên quan theo mức giá trên thị trường được chiết khấu tùy theo khối lượng hàng mua và mối quan hệ giữa các bên.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Phải thu/(Phải trả)	
			31.12.2009	30.09.2010
Đầu tư ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Vật liệu mới Vinavico	Công ty liên kết	Cho vay	1.960.000.000	1.960.000.000
Công ty Cổ phần Truyền thông Vinavico	Công ty liên kết	Cho vay	150.000.000	150.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết				
Công ty Cổ phần Vinavico	Công ty liên kết	Góp vốn	13.700.000.000	13.556.756.756
Phải thu khách hàng				
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm	Công ty liên kết	Doanh thu xây lắp	20.230.742.452	27.039.598.503
Phải trả cho người bán				
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm	Công ty liên kết	Vật tư, hàng hoá	(5.249.478.780)	
Công ty Cổ phần Vinavico	Công ty liên kết	Mua tài sản	(4.130.458.105)	-

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm cuối kỳ không cần đảm bảo, có lãi và sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc bù trừ công nợ.

Lập, ngày 25 tháng 01 năm 2011

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Công Đường

Nguyễn Ngọc Khiêm